

Hiệp định chống đánh thuế trùng: Thực trạng ký kết và thực thi tại Việt Nam

Phạm Đức Anh
Vũ Hương Quỳnh

Ngày nhận: 27/08/2018

Ngày nhận bản sửa: 06/09/2018

Ngày duyệt đăng: 18/09/2018

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hiện nay, việc tạo lập các hiệp định chống đánh thuế trùng trở nên ngày càng cần thiết nhằm hướng tới xóa bỏ các rào cản bất lợi, qua đó thúc đẩy hơn nữa đầu tư và thương mại giữa các quốc gia. Nhận thức rõ vấn đề trên, kể từ năm 1992 đến nay, Việt Nam đã đàm phán và ký kết thành công hiệp định chống đánh thuế trùng với 77 quốc gia. Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh ký kết và thực trạng thực thi hiệp định chống đánh thuế trùng của Việt Nam, bài viết đưa ra một số khuyến nghị chính sách giúp tăng cường hơn nữa hiệu quả thực thi hiệp định thuế trong thời gian tới.

Từ khóa: hiệp định chống đánh thuế trùng; công ty đa quốc gia; đầu tư trực tiếp nước ngoài; chuyển giá.

1. Khái lược về hiệp định chống đánh thuế trùng

Trong thương mại quốc tế, việc tồn tại cùng lúc nhiều hệ thống thuế khác nhau giữa các quốc gia thường dẫn tới tình trạng một khoản thu nhập của đối tượng nộp thuế có thể bị áp thuế tại hai quốc gia khác nhau. Điều này xảy ra bởi phần lớn các nước đều thực thi quyền đánh thuế của

mình dựa trên hai nguyên tắc cơ bản: (i) Đối tượng được xác định là đối tượng cư trú của một nước phải nộp thuế tại nước đó cho tất cả các khoản thu nhập bất chấp nơi phát sinh thu nhập và (ii) đối tượng được xác định là phi cư trú của một nước phải nộp thuế cho các khoản thu nhập phát sinh tại nước đó (Nguyễn Thanh Xuân, 2010). Đối tượng cư trú hay nguồn phát sinh thu nhập được xác định tùy theo quy định từng nước và trong nhiều

trường hợp, một công ty hoặc cá nhân có thể là đối tượng cư trú của hai hay nhiều quốc gia. Do đó, việc đánh thuế trùng có thể xảy ra trong nhiều trường hợp, ví dụ, hai (hay nhiều) quốc gia đánh thuế trên thu nhập toàn cầu của cùng một đối tượng nộp thuế do đối tượng này được xác định là đối tượng cư trú tại các nước đó; hoặc trường hợp khác, có thể do hai (hay nhiều) quốc gia cùng xác định một khoản thu nhập của một đối tượng nộp

thuế phát sinh từ nước mình và cùng đánh thuế trên khoản thu nhập đó...

Hành động đánh thuế trùng có thể khiến nước đầu tư gặp nhiều khó khăn thể hiện qua việc làm giảm lợi nhuận, cản trở hoạt động đầu tư cũng như ngăn cản các luồng vốn từ nước ngoài chảy vào nước tiếp nhận đầu tư, đồng thời nó cũng được xem là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng vi phạm nghĩa vụ thuế của các đối tượng liên quan (Baker, 2014). Để giải quyết việc đánh thuế trùng trên thu nhập từ hoạt động đầu tư- kinh doanh quốc tế của các đối tượng trên, các quốc gia thường tham gia ký kết một “hiệp định chống đánh thuế trùng”. Hiệp định chống đánh thuế trùng ra đời nhằm mục tiêu tránh đánh thuế lần hai đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư, thương mại qua biên giới trên cơ sở phân chia quyền đánh thuế giữa các bên tham gia, từ đó tiên tói xoá bỏ các rào cản về thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế, đầu tư, trao đổi thương mại song phương (Bùi Phương Lan, 2010). Loại thuế được áp dụng trong hiệp định là thuế trực thu, gồm có thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài sản. Một khi quyền đánh thuế được tách bạch giữa các quốc gia, chúng ta có thể căn cứ vào luật thuế của nước có quyền đánh thuế để xác định chế độ đánh thuế trên thu nhập đó.

Hòa cùng xu thế toàn cầu hoá, hiệp định chống đánh thuế trùng ngày nay giữ một

vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy thương mại và đầu tư xuyên biên giới. Nghiên cứu của Braun và Zagler (2014) chỉ ra rằng trong 20 năm trở lại đây, số lượng hiệp định thuế ký kết đã vượt mức 3.000, chiếm 65% tổng số các hiệp định của thế giới. Với việc chính thức gia nhập WTO năm 2006 và tham gia sâu rộng vào các hiệp định hợp tác song phương và đa phương, hoạt động thu hút FDI cũng như thương mại quốc tế của Việt Nam trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu, đóng góp tích cực vào quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá, phát triển kinh tế- xã hội bền vững. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, tình trạng đánh thuế trùng giữa Việt Nam và các nước vẫn tạo ra nhiều rào cản bất lợi. Vì vậy, việc ký kết và đảm bảo tốt hiệu lực thực thi đối với hiệp định chống đánh thuế trùng nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư- thương mại của Việt Nam là hết sức cần thiết trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay.

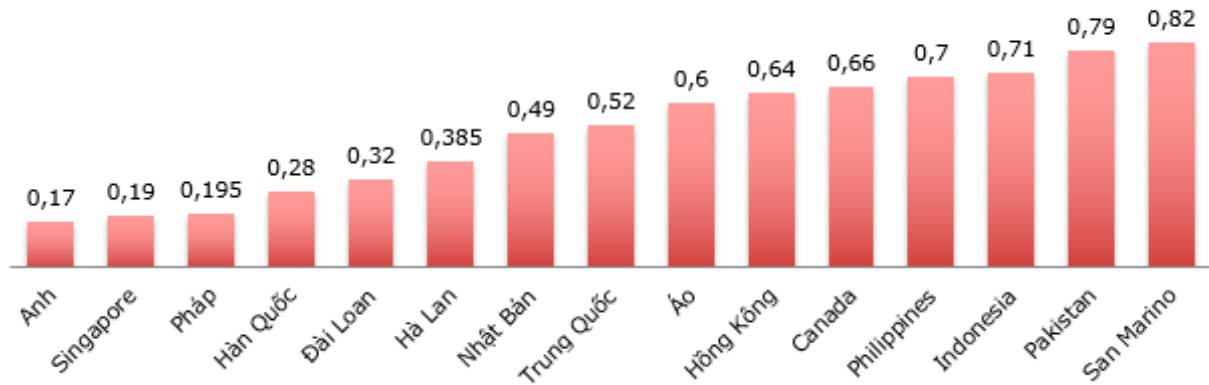
2. Thực trạng ký kết hiệp định chống đánh thuế trùng của Việt Nam

Nhận thức được tầm quan trọng của hiệp định chống đánh thuế trùng trong tiến trình mở cửa nền kinh tế, hợp tác đầu tư và phát triển thương mại, từ những năm đầu thập niên 90, Việt Nam đã chủ động đàm phán và ký kết hiệp định chống đánh thuế trùng với các quốc gia trên

thế giới. Thống kê của Tổng cục Thuế tính đến năm 2017 cho thấy, Việt Nam đã ký kết thành công hiệp định chống đánh thuế trùng và ngăn ngừa trốn lậu thuế đối với thu nhập với tổng cộng 77 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 37 nước Châu Âu, 21 nước thuộc Châu Á- Thái Bình Dương, 6 nước Châu Mỹ (bao gồm Mỹ và Canada), 5 nước Châu Phi và 8 nước ở khu vực Trung Đông. Qua đây có thể thấy, Châu Âu và Châu Á- Thái Bình Dương chính là những thị trường trọng điểm mà Việt Nam thực sự mong muốn tiếp cận. Mục đích ký kết các hiệp định thuế nhằm loại bỏ việc đánh thuế trùng có thể thông qua: (i) miễn, giảm số thuế phải nộp tại Việt Nam cho đối tượng cư trú của nước đối tác, hoặc (ii) khấu trừ số thuế mà đối tượng cư trú Việt Nam đã nộp tại nước đối tác vào số thuế phải nộp tại Việt Nam- qua đó tạo ra hành lang pháp lý về thuế rõ ràng, minh bạch, góp phần tránh xảy ra tranh chấp, đồng thời thúc đẩy sự hợp tác, phát triển kinh tế, vì sự thịnh vượng chung của đôi bên ký kết (Phạm Đức Anh, 2018).

Theo đánh giá của ActionAid (2017), so với các quốc gia đang phát triển khác, các hiệp định của Việt Nam nói chung bảo vệ quyền lợi tốt hơn trong việc đánh thuế- với một số ngoại lệ đáng kể. Hiệp định chống đánh thuế trùng được ấn định khi một quốc gia được phép đánh thuế thu nhập của một cá nhân hoặc công ty nước ngoài trong lãnh thổ của

Hình 1. Chỉ số nguồn đánh giá mức độ bảo vệ quyền đánh thuế của Việt Nam trong các hiệp định chống thuế trùng



Nguồn: Cơ sở dữ liệu Hiệp ước thuế của Action Aid (2017)

mình (thuế nguồn) hoặc khi được phép đánh thuế thu nhập của đối tượng cư trú khi họ hoạt động ở nước ngoài (thuế cư trú). Các hạn chế về đánh thuế nguồn áp dụng cho cả hai bên trong hiệp định. Tuy nhiên, khi các luồng đầu tư chủ yếu là một chiều (ví dụ: từ một nước phát triển sang một nước đang phát triển), các hạn chế này sẽ gây bất lợi cho đối tác của các nước đang phát triển.

Dữ liệu về hiệp định thuế của ActionAid (so sánh các tính năng chính của 519 hiệp định chống đánh thuế trùng) đánh giá mỗi hiệp ước theo các mức từ 0 đến 1, trong đó, chỉ số càng cao đồng nghĩa quốc gia đang phát triển nắm giữ nhiều hơn quyền lợi đánh thuế nguồn so với hiệp định. Các hiệp định của Việt Nam với thành viên G20 cho thấy chỉ số nguồn trung bình cao hơn (có nghĩa là quyền lợi của Việt Nam trong việc đánh thuế được đảm bảo hơn) so với các nước đang phát triển

khác. Hiệp định chống đánh thuế trùng của Việt Nam ngày càng được đảm bảo theo thời gian thể hiện qua chỉ số nguồn của các hiệp định theo xu hướng tăng dần. Theo xu hướng chung, một số hiệp định ban đầu ký kết từ những năm 90 tương đối hạn chế đối với quyền đánh thuế các nguồn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Về các hiệp định của Việt Nam với các nước có thu nhập cao hơn, Hiệp định với Anh là hiệp định hạn chế quyền đánh thuế của Việt Nam với chỉ số nguồn là 0,16 điểm, tiếp theo là Hiệp định với Singapore với 0,18 điểm và Pháp là 0,19 điểm. Ngoài ra, Hiệp định chống đánh thuế trùng với 4 quốc gia đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Đài Loan nằm trong số 25% hiệp định hạn chế nhất của Việt Nam với chỉ số nguồn thấp hơn 0,515. Từ thực trạng trên, nhóm tác giả đề xuất việc ký kết hiệp định chống đánh thuế trùng

trong thời gian tới cần xem xét kỹ tương quan về lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh quốc gia của Việt Nam với các nước đối tác, chênh lệch trình độ phát triển, quy mô thị trường các nước đối tác và chênh lệch giữa thực trạng và tiềm năng quan hệ thương mại- đầu tư giữa Việt Nam với đối tác đó, mức độ hài hòa với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội tổng thể của quốc gia để từ đó ký kết hiệp định đảm bảo quyền đánh thuế của Việt Nam.

3. Đánh giá về việc thực thi hiệp định chống đánh thuế trùng tại Việt Nam

3.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và nguyên tắc phân định quyền đánh thuế

Về phạm vi và đối tượng áp dụng: Hiệp định chống đánh thuế trùng giữa Việt Nam và các nước có hiệu lực pháp lý giới hạn trong phạm vi lãnh thổ, lãnh hải và vùng

đặc quyền kinh tế thuộc chủ quyền quốc gia của hai bên ký kết, trong đó đối tượng áp dụng gồm các trường hợp: đối tượng cư trú của Việt Nam; đối tượng cư trú của nước ký kết hiệp định; hoặc đối tượng đồng thời cư trú của Việt Nam và nước ký kết hiệp định.

Về nguyên tắc phân định quyền đánh thuế: Như đã phân tích, mục tiêu ký kết hiệp định chống đánh thuế trùng về cơ bản nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu việc đánh thuế trùng đối với một số khoản thu của đối tượng nộp thuế, qua đó thúc đẩy tự do hóa đầu tư và thương mại giữa các nước ký kết. Để đạt được điều này, hiệp định chống đánh thuế trùng đưa ra các nguyên tắc sau nhằm phân định thẩm quyền đánh thuế đối với các loại thu nhập và tài sản của từng nước ký kết:

- Xác định quyền đánh thuế của nước nơi phát sinh thu nhập đối với một số khoản thu nhập của đối tượng không cư trú.
- Giới hạn mức thuế suất đánh trên một số khoản thu nhập của đối tượng không cư trú của nước nơi phát sinh thu nhập (ví dụ nếu thuế suất theo quy định của luật trong nước cao hơn mức thuế suất quy định tại hiệp định thì áp dụng mức thuế suất theo hiệp định).
- Cho phép khấu trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài và số thuế phải nộp tại nước cư trú.

3.2. Đánh giá việc thực thi hiệp định chống đánh thuế trùng tại Việt Nam

Thứ nhất, về thủ tục thực hiện hiệp định chống đánh thuế trùng: Chính phủ Việt Nam đã có những bước đi cụ thể nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện các hiệp định chống đánh thuế trùng, trước hết là việc ban hành Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, sau đó liên tục hoàn thiện năm 2012 và 2014 với việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế... Đồng thời, để giảm thiểu thủ tục hành chính thuế, hải quan, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chỉ thị 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan (Lê Thị Thanh Huyền, 2017). Theo đó, Bộ Tài chính đã đơn giản hóa toàn bộ 226 thủ tục hành chính thuế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế cũng như người nộp thuế. Việc hoàn thiện văn bản luật và dưới luật cũng giúp bổ sung phương thức quản lý mới, từ đó nâng cao hiệu lực quản lý thuế như áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Về cơ bản, các chính sách cải cách hành chính thuế đã tạo điều kiện cho đối tượng nộp thuế giảm thời gian thực hiện các nghĩa vụ thuế, trong đó bao gồm cả các đối tượng trong quá trình thực hiện hiệp

định chống đánh thuế trùng. Bên cạnh đó, tương ứng với việc mở rộng, tăng cường ký kết Hiệp định chống đánh thuế trùng, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện hiệp định chống đánh thuế trùng đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam. Thông tư này lần đầu tiên được ban hành vào năm 1997, sau đó được sửa đổi, cập nhật năm 2000, 2004 và 2013. Tuy nhiên, việc thường xuyên thay đổi quy định và thủ tục hành chính thuế khiến doanh nghiệp khó theo dõi và thực hiện, đặc biệt là các đối tượng thuế là người nước ngoài. Theo báo cáo của Tổng cục Thuế (2014), các phần mềm ứng dụng hỗ trợ khai thuế vẫn trong quá trình hoàn thiện nên còn lỗi và chậm được điều chỉnh, nâng cấp mỗi khi có chính sách mới, đường truyền còn hay bị nghẽn, đặc biệt vào giai đoạn cao điểm.

Thứ hai, về điều kiện để tính thuế thu nhập từ một số hoạt động trong hiệp định chống đánh thuế trùng: Quy định chống đánh thuế trùng được áp dụng đối với 18 loại thu nhập từ bất động sản, hoạt động kinh doanh, thu nhập từ vận tải hàng hóa quốc tế, thu nhập từ lãi cổ phần, lãi cho vay, bản quyền, cung cấp dịch vụ kỹ thuật... Trong đó, đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất- kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài thành lập pháp nhân tại Việt Nam thì áp dụng theo quy

định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là trong các hiệp định chống đánh thuế trùng và hướng dẫn thực hiện quy định điều kiện để tính thuế đối với khoản thu nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ là doanh nghiệp kéo dài hoạt động tại Việt Nam trong một khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại quá 183 ngày trong mỗi giai đoạn 12 tháng, xây dựng trụ sở, lắp đặt hoặc lắp ráp công trình xây dựng... kéo dài hơn 6 tháng hoặc 3 tháng (Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Trong khi đó, trên thực tế, việc công nghệ thông tin ngày càng hiện đại, hình thức hoạt động cung cấp dịch vụ ngày càng đa dạng và phức tạp, không đòi hỏi các doanh nghiệp phải có trụ sở cố định tại nước mà họ cung cấp dịch vụ, các hoạt động xây dựng mất ít thời gian hơn. Bên cạnh đó, đối với các nước cần nguồn vốn đầu tư như Việt Nam, khoản thu nhập về cung cấp dịch vụ tư vấn ngày càng gia tăng, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại điện tử. Do vậy, cần kịp thời đưa ra các giải pháp về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, trò chơi trực tuyến, kinh tế chia sẻ... để tránh thất thoát các khoản thuế đối với thu nhập từ cung cấp dịch vụ.

Thứ ba, về trao đổi thông tin về thuế giữa các nước ký kết hiệp định: Một trong những

nội dung quan trọng của hiệp định chống đánh thuế trùng là cơ quan thuế các nước có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhau phục vụ phân tích rủi ro và kiểm soát vấn đề chuyển giá (Lê Thị Thanh Huyền, 2017). Ví dụ, trong hiệp định chống đánh thuế trùng giữa Việt Nam ký kết với Vương quốc Hà Lan ngày 24/01/1995, Điều 26 có điều khoản về “trao đổi thông tin”, đó là: “*Nhà chức trách có thẩm quyền của hai nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của hiệp định này hay của các luật của từng nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với hiệp định này...*”. Hiệp định chống đánh thuế trùng giữa Việt Nam với Chính phủ Úc ngày 13/10/1992, Điều 25 cũng có điều khoản tương tự... Điều này hoàn toàn phù hợp với hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc (United Nations- UN) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Cooperation and Development- OECD), theo đó việc trao đổi thông tin giữa hai nước ký kết được hiểu là việc trao đổi tài liệu, trao đổi thông tin về người nộp thuế trong một khoảng thời gian. Tài liệu có thể bao gồm sách, giấy tờ, hồ sơ, tài khoản hoặc những bài viết mà theo yêu cầu của nước ký kết, việc cung cấp thông tin này không trái với pháp luật trong nước. Các thông tin trao đổi có thể

là những vấn đề liên quan đến sự tuân thủ thuế của đối tượng nộp thuế như các cách thức trốn thuế của các công ty đa quốc gia; việc trao đổi thông tin có thể về một số lĩnh vực như xăng, dầu, khai thác cát, công nghiệp dược hay lĩnh vực ngân hàng... mà không nhất thiết phải về những đối tượng nộp thuế cụ thể.

Trong thời gian qua, việc trao đổi, cung cấp thông tin với cơ quan thuế nước ngoài còn tương đối hạn chế nên việc tìm kiếm thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc xác định hành vi trốn thuế, chuyển giá của các công ty nước ngoài gặp khó khăn. Hơn nữa, việc yêu cầu hai cơ quan thuế hai nước trao đổi thông tin là không dễ dàng, khả năng tìm tiếng nói chung thấp, bởi nước nào cũng có tâm lý bảo vệ quyền lợi cho người nộp thuế của nước mình. Đây là một nguyên nhân làm giảm hiệu quả của công tác chống chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, về tổ chức thực hiện hiệp định chống đánh thuế trùng: Do tính chất phức tạp của hiệp định chống đánh thuế trùng nên quá trình tổ chức thực hiện còn gặp nhiều hạn chế. Đầu tiên, hiệp định chống đánh thuế trùng mang tính chuyên môn sâu, đòi hỏi cán bộ quản lý thuế phải nắm vững kiến thức và có nhiều kinh nghiệm xử lý các tình huống trong bối cảnh quy định về thuế thường xuyên được cập nhật, tính chất các loại thu

nhập ngày càng đa dạng. Các đối tượng đề nghị áp dụng hiệp định thường tập trung vào các địa phương có nguồn đầu tư nước ngoài lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... Do đó, việc các tỉnh thành thiếu đội ngũ nhân lực chuyên môn sâu đã gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện hiệp định chống đánh trùng thuế.

Thêm vào đó, khi tiến hành các biện pháp hoàn thuế hoặc miễn thuế, khấu trừ thuế, do các giấy tờ trong hồ sơ có liên quan đến yếu tố nước ngoài nên việc xét duyệt cũng trở nên khó khăn hơn. Đặc biệt là khi những giấy tờ chứng nhận ở nước ngoài lại mâu thuẫn hoặc không phù hợp với quy định của Việt Nam thì sẽ dễ gây ra phiền toái và dễ phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, hiệp định chống đánh trùng thuế được xây dựng dựa trên mẫu của OECD hoặc UN đã được thông lệ quốc tế và tập quán quốc tế công nhận. Tuy vậy, hành lang pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên việc xảy ra mâu thuẫn với hiệp định là điều khó tránh khỏi.

4. Khuyến nghị chính sách

Như vậy, cho đến nay Việt Nam đã ký kết hiệp định chống đánh thuế trùng với 77 quốc gia và vùng lãnh thổ và đã gia nhập Diễn đàn toàn cầu về Hợp tác triển khai chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (Base Erosion

and Profit Shifting- BEPS), vì vậy công tác quản lý thuế cần có sự đổi mới để thích ứng tốt nhất với “làn sóng” hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng ký kết các hiệp định, hướng tới chống thất thu thuế đối với các loại hình kinh doanh mới, nâng cao minh bạch, tránh đánh thuế trùng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế. Nhằm tăng cường hơn nữa hiệu lực tránh đánh thuế trùng thông qua áp dụng các hiệp định, bài viết xin đưa ra một số khuyến nghị dành cho Chính phủ và các cấp quản lý của Việt Nam như sau:

(1) Hoàn thiện các điều khoản trong mẫu hiệp định:

Việt Nam cần từng bước sửa đổi các điều khoản trong mẫu hiệp định chống đánh thuế trùng của mình để thích ứng với sự thay đổi hệ thống thuế của các nước khác. Trong quá trình thực thi hiệp định chống đánh thuế trùng những năm qua, Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do các điều khoản vẫn chưa được xây dựng hoàn thiện. Do đó, việc sửa đổi các điều khoản trong hiệp định thuế sẽ tạo cơ sở tốt hơn trong việc đàm phán với các nước khác. Việc sửa đổi, xây dựng mẫu hiệp định mới hoàn thiện hơn cũng giúp đảm bảo lợi ích của Việt Nam khi tham gia ký kết các hiệp định chống đánh thuế trùng.

(2) Mở rộng phạm vi trao đổi thông tin:

Việc trao đổi thông

tin sẽ không chỉ hạn chế đối với các sắc thuế trực thu đã được đàm phán tại hiệp định, mà có thể cần được mở rộng trao đổi thông tin về tất cả các sắc thuế để tăng cường khả năng quản lý của Việt Nam đối với các giao dịch qua biên giới. Thực tiễn quản lý thuế giá trị gia tăng thời gian qua cho thấy nếu được tăng cường trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài về các sắc thuế, Việt Nam có thể tiếp cận tốt hơn tới các nguồn thông tin giá trị để phòng chống các hành vi gian lận về thuế trong thương mại quốc tế. Để làm được điều này, việc nghiên cứu thấu đáo các cơ chế phù hợp về thủ tục trao đổi thông tin và thủ tục đàm phán song phương là một yêu cầu tiên quyết.

(3) Tăng cường hợp tác trong quản lý hành chính thuế:

Đây từ lâu đã là vấn đề được cộng đồng thuế quốc tế đặc biệt quan tâm. Các quốc gia đều nhận thức được thực tế đa số tập đoàn đa quốc gia phân phối thu nhập và tài sản của họ trên toàn thế giới, trong khi thẩm quyền của Cơ quan Thuế không thể vượt ra khỏi lãnh thổ quốc gia mình. Nếu không sớm hình thành cơ chế tương trợ lẫn nhau giữa cơ quan thuế các nước, mọi Chính phủ đều phải gánh chịu tổn thất về mặt ngân sách. Có thể nói, trong chính sách thuế nói riêng và chính sách kinh tế nói chung, có thể tồn tại sự cạnh tranh về nguồn thu, nhưng trên giác độ quản lý hành chính thuế toàn cầu, việc cơ quan thuế các bên

đạt được sự đồng thuận, hợp tác cao rõ ràng sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên (ngoại trừ quốc gia được coi là «thiên đường thuế»). ■

Tài liệu tham khảo

1. Action Aid (2017), *Double Taxation Treaties in Vietnam: Red carpet for whom?*, Available at: <actionaid.org/sites/files/actionaid/policy_brief_new_1_0.pdf>
2. Baker, P.L. (2014), *An analysis of double taxation treaties and their effect on foreign direct investment*, *International Journal of the Economics of Business*, 21(3), 341-377.
3. Braun, J. and Zagler, M. (2014), *An Economic Perspective on Double Tax Treaties with(in) Developing Countries*, *World Tax Journal*, 6(3), 242-281.
4. Bùi Phương Lan (2010), *Thực trạng ký kết và cơ chế áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần tại Việt Nam*, *Khoá luận tốt nghiệp*, Đại học Ngoại thương.
5. Nguyễn Thanh Xuân (2010), *Hiệp định chống đánh thuế trùng và tác động của nó đến xuất khẩu của Việt Nam*, *Khoá luận tốt nghiệp*, Đại học Ngoại thương.
6. Phạm Đức Anh (2018), *Tác động của hiệp định chống đánh thuế trùng đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam với các quốc gia ASEAN*, *Đề tài NCKH cấp Cơ sở*, Học viện Ngân hàng, mã số DTHV.37/2017.

Thông tin tác giả

Phạm Đức Anh, Thạc sỹ

Email: anhpd@hvn.edu.vn

Vũ Hương Quỳnh, Thạc sỹ

Email: quynhv@hvn.edu.vn

Viện NCKH Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Summary

Double taxation treaties: The present situation of signing and enforcement in Vietnam

In the context of increased international economic integration, the formation of double taxation treaties is becoming increasingly vital in eliminating barriers to free trade and international investment. Consciously aware of this tendency, since 1992, Vietnam has relentlessly negotiated and concluded tax treaties with a total of 77 countries. On the basis of comprehensive assessment of the signing context and enforcement status quo of the tax treaties of Vietnam, the article produces policy recommendations for improving the effectiveness of the signed tax treaties in the coming time.

Keywords: double taxation treaty; multinational corporations; foreign direct investment; transfer pricing.

Anh Duc Pham, MEd

Quynh Huong Vu, MEd

Organization of all: Banking Research Institute, Banking Academy